

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7691/UBND-QLĐT

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2013

V/v liên quan đến đơn giá một số chỉ tiêu trong hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn thành phố

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....
Ngày: 4 / 9 / 2013 /

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
ĐẾN	Số: 7895
	Ngày: 03/8/13
Chuyên:	U.P.G.

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xét nội dung Công văn số 1437/STC-ĐT ngày 19/8/2013 của Sở Tài chính về việc xử lý kiến nghị phê duyệt bổ sung đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý nội dung đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 1437/STC-ĐT ngày 19/8/2013 về việc cho phép Sở Tài nguyên và Môi trường áp dụng **tạm thời** đơn giá quan trắc, phân tích môi trường đối với nước thải công nghiệp, sinh hoạt và một số chỉ tiêu khác bằng với đơn giá quan trắc, phân tích môi trường của các chỉ tiêu tương ứng đã được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 cho đến khi Bộ Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn cụ thể **bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật** đối với các chỉ tiêu trên (kèm theo Phụ lục).

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

2.1 Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo chủ trương tại Điểm 1 nêu trên, đồng thời tiến hành lập thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

2.2 Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố định mức kinh tế kỹ thuật đối với các chỉ tiêu còn thiếu trên. Khi có văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập cụ thể đơn giá gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND thành phố xem xét, quyết định để làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố.

Nhận được Công văn này, yêu cầu thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, Chủ tịch HĐND t.p (b/cáo);
- CT và các PCT UBND t.p (b/cáo);
- Kho bạc Nhà nước thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Các Phòng: KTN, KTTH, TH;
- Lưu VT, QLĐT_(Tuấn).



Chấn
mae
Lưu VT;
xuyến
no giữ cái
ủy ban)
4/13
3

PHỤ LỤC

ĐƠN GIÁ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP, SINH HOẠT VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU

(Ban hành kèm theo Công văn số 7694/UBND-QLĐTTh ngày 30 / 8 /2013 của UBND thành phố)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN GIÁ (đồng/chỉ tiêu)	NGUỒN ÁP DỤNG TƯƠNG ĐƯƠNG ^(*)
I	MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP, SINH HOẠT		
1	Nhiệt độ nước, pH	65.000	Áp dụng tạm thời đơn giá quan trắc, phân tích môi trường của nước mặt lục địa đối với các chỉ tiêu tương ứng đã được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013
2	Oxy hòa tan (DO)	70.000	
3	Chất rắn hòa tan (TDS), độ dẫn điện (EC)	75.000	
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	350.000	
5	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD5)	230.000	
6	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	300.000	
7	Nitơ- amoni (NH ₄ ⁺ - N)	330.000	
8	Nitrite (NO ₂ ⁻ - N)	430.000	
9	Nitrate (NO ₃ ⁻ - N)	330.000	
10	Tổng P	460.000	
11	Tổng N	500.000	
12	Kim loại nặng Pb, Cd	680.000	
13	Kim loại nặng Hg, As	810.000	
14	Kim loại nặng Cu, Fe, Zn, Mn	610.000	
15	Sulphat (SO ₄ ²⁻)	320.000	
16	Photphat (PO ₄ ³⁻)	360.000	
17	Clorua (Cl ⁻)	340.000	
18	Dầu mỡ	820.000	
19	Coliform	1.180.000	
II	MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH		
1	Bụi PM10, bụi PM2.5	140.000	Bụi tổng số (TSP)
2	CO ₂	470.000	CO
3	H ₂ SO ₄ ; HCl; H ₂ S; NH ₃	450.000	NO ₂
4	Bụi Cd; Sn; Cu; Cr; Ni; Se; Hg; As; Fe; Zn; K; Na; Mn; Ca; Mg	400.000	Bụi Pb
III	MÔI TRƯỜNG KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP		
1	H ₂ SO ₄ ; HCl; H ₂ S; NH ₃	1.700.000	NO ₂
2	Bụi Pb, Cd; Sn; Cu; Cr; Ni; Se; Hg; As; Fe; Zn; K; Na; Mn; Ca; Mg	2.600.000	Bụi tổng số (TSP)

(*): Áp dụng tạm thời đơn giá quan trắc, phân tích môi trường đối với các chỉ tiêu tương ứng đã được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN GIÁ (đồng/chỉ tiêu)	NGUỒN ÁP DỤNG TƯƠNG ĐƯƠNG ^(*)
IV	MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT LỤC ĐỊA		
1	Floride (F ⁻)	340.000	Clorua nước mặt
2	Cyanua (CN ⁻)	550.000	Cyanua nước biển
3	Cr (VI); Cr (III)	450.000	Cr(VI) nước biển
4	Ni	450.000	Ni nước biển
5	Chất hoạt động bề mặt	820.000	Dầu mỡ nước mặt
6	Phenol	570.000	Phenol nước biển
7	Hóa chất BVTV clo hữu cơ	1.640.000	Hóa chất BVTV Clo hữu cơ nước biển
8	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ	1.400.000	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ nước biển
9	E.Coli	750.000	Coliform nước biển
V	MÔI TRƯỜNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT (NƯỚC NGẦM)		
1	Tổng chất rắn (TS)	350.000	TSS nước ngầm
2	COD (KMnO ₄)	300.000	COD nước mặt
3	Floride (F ⁻)	490.000	Clorua nước ngầm
4	Selen (Se)	620.000	Fe, Cu, Zn, Cr, Mn nước ngầm
5	E.Coli	810.000	Coliform nước ngầm
VI	MÔI TRƯỜNG NƯỚC BIỂN		
1	Florua (F ⁻)	340.000	Clorua nước mặt
2	S ²⁻	320.000	SO ₄ ²⁻ nước mặt
3	Fe	450.000	Cu, Zn nước biển
VII	MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP, SINH HOẠT		
1	Mùi, độ màu	260.000	Độ màu nước biển
2	S ²⁻	320.000	SO ₄ ²⁻ nước mặt
3	Florua (F ⁻)	340.000	Clorua nước mặt
4	Cr(VI), Cr(III)	450.000	Cr(VI) nước biển
5	Ni	450.000	Ni nước biển
6	Sn	610.000	Cu, Fe, Zn, Mn nước mặt
7	Cyanua (CN ⁻)	550.000	Cyanua nước biển
8	Phenol	570.000	Phenol nước biển
9	Dầu mỡ động thực vật	820.000	Dầu mỡ nước mặt

(*): Áp dụng tạm thời đơn giá quan trắc, phân tích môi trường đối với các chỉ tiêu tương ứng đã được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN GIÁ (đồng/chỉ tiêu)	NGUỒN ÁP DỤNG TƯƠNG ĐƯƠNG ^(*)
10	Polychlorinated biphenyl (PCB)	820.000	Dầu mỡ nước mặt
11	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (lân hữu cơ)	1.640.000	Hóa chất BVTV clo hữu cơ nước biển
12	S ²⁻	320.000	SO ₄ ²⁻ nước mặt
13	Chất hoạt động bề mặt	820.000	Dầu mỡ nước mặt



(*): Áp dụng tạm thời đơn giá quan trắc, phân tích môi trường đối với các chỉ tiêu tương ứng đã được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013